TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ - ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Lương Văn Kiên
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 804/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc: "***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thư T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn 02, xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

2. Bị đơn:Anh Lê Duy Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 02, xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2020, bản tự khai ngày 24 tháng 11 năm 2020, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09 tháng 12 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị Thư T trình bày như sau:

Chị và anh Lê Duy Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 24 tháng 11 năm 2015. Sau khi kết hôn, chị và anh Đ chung sống với gia đình bên ngoại tại thôn 2, xã Diên Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, do chị và anh Đ không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống nên anh chị thường xuyên xảy ra tranh cãi, khi mâu thuẫn phát sinh gay gắt anh Đ đã nhiều lần đánh chị. Trong cuộc sống, anh Lê Duy Đ không chăm lo cho gia đình, phó mặc mọi việc từ lớn đến nhỏ cho chị một mình lo toan. Nay chị không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với người chồng, người cha thiếu trách nhiệm như anh Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Lê Duy Đ.

Về con chung: Chị và anh Lê Duy Đ có 02 (hai) con chung là cháu Lê Duy N, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2016 và cháu Lê Phạm Linh C, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2018. Các cháu từ nhỏ đến nay đều sống chung với chị và hiện tại anh Lê Duy Đ đã đi làm xa nên việc anh trực tiếp chăm sóc các con không được bảo đảm. Vì vậy ly hôn chị yêu cầu được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Lê Duy N và Lê Phạm Linh C. Chị không yêu cầu anh Lê Duy Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Lê Duy Đ không có tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Duy Đ vắng mặt nhưng tại bản trình bày ý kiến ngày 01 tháng 12 năm 2020, ý kiến của anh Lê Duy Đ như sau:

Anh và chị Phạm Thị Thư T chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đối với yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung của chị T, anh có mong muốn được hòa giải; trường hợp không hòa giải được thì anh xin tòa án qua năm sau (2021) rồi xử lý vụ án vì anh đang đi làm ăn xa mong muốn có cái Tết để vợ chồng có thể hàn gắn lại.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị Thư T có 02 (hai) con chung là cháu Lê Duy N, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2016 và cháu Lê Phạm Linh C, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2018. Trong trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng nhận chăm sóc nuôi dưỡng các cháu Lê Duy N và Lê Phạm Linh C. Anh không yêu cầu chị Phạm Thị Thư T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh và chị Phạm Thị Thư T không có tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chị Phạm Thị Thư T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố

tụng. Đối với bị đơn anh Lê Duy Đ, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng còn hạn chế.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thư T về yêu cầu ly hôn với anh Lê Duy Đ, giao 02 (hai) con chung là các cháu Lê Duy N và Lê Phạm Linh C cho chị Phạm Thị Thư T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Thư T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phạm Thị Thư T và anh Lê Duy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 24 tháng 11 năm 2015. Hôn nhân của anh chị tuân thủ theo các Điều 8, 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn gia đình, chị Phạm Thị Thư T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lê Duy Đ đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn anh Lê Duy Đ cư trú tại thôn 2, xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Duy Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để anh tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ, hòa giải về hôn nhân, con chung và các vấn đề khác cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Theo nội dung biên bản xác minh ngày 04 tháng 01 năm 2021, chính quyền địa phương xác nhận anh Lê Duy Đ và chị Phạm Thị Thư T có mâu thuẫn vợ chồng, thường xuyên xảy ra cải vã.

Nội dung xác minh phù hợp với lời trình bày của chị Phạm Thị Thư T: giữa chị và anh Lê Duy Đ không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống nên anh chị thường xuyên xảy ra cải vã. Anh Lê Duy Đ mong muốn hòa giải nhưng bản thân anh lại không đến Tòa án nhân dân thành phố P tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai thể hiện về mặt ý chí cá nhân anh Đ đã không còn mong muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân với chị T. Như vậy trong quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thư T và anh Lê Duy Đ đã tồn tại những mâu thuẫn nhưng anh chị không thể tìm thấy tiếng nói chung để giải quyết dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thư T và anh Lê Duy Đ phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thư T, xử cho chị T được ly hôn với anh Lê Duy Đ.

Về con chung: Chị Phạm Thị Thư T và anh Lê Duy Đ có 02 (hai) con chung là cháu Lê Duy N, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2016 và cháu Lê Phạm Linh C, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2018.

Chị Phạm Thị Thư T và anh Lê Duy Đ đều có nguyện vọng nhận chăm sóc nuôi dưỡng các con chung. Xét các cháu còn nhỏ trong đó cháu Lê Phạm Linh C dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ, trên thực tế các cháu hiện đang chung sống với chị Phạm Thị Thư T, việc thay đổi môi trường sống, học tập hiện đang ổn định sẽ ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển bình thường tâm sinh lý của các cháu. Bên cạnh đó, anh Lê Duy Đ hiện đang đi làm xa cho nên việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung gặp nhiều hạn chế.

Trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của các cháu Lê Duy N và Lê Phạm Linh C, Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao các cháu Lê Duy N, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2016 và cháu Lê Phạm Linh C, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2018 cho chị Phạm Thị Thư T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Thư T đủ điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Lê Duy N và Lê Phạm Linh C nên không yêu cầu anh Lê Duy Đ cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

Vấn đề tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Phạm Thị Thư T và anh Lê Duy Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

Về án phí: Chị Phạm Thị Thư T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 97, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Thư T

Chị Phạm Thị Thư T được ly hôn với anh Lê Duy Đ.

2. Về con chung:

Giao 02 (hai) con chung là cháu Lê Duy N, sinh ngày 18 tháng 5 năm 2016 và cháu Lê Phạm Linh C, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2018 cho chị Phạm Thị Thư T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất

năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thư T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0005798 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P Chị Phạm Thị Thư T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thư T được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Lê Duy Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc bản sao bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP. P;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. P;
- UBND xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 32 ngày 24/11/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký
Võ Thị Thanh Thúy